

# BẢO ĐẢM TÍNH THỐNG NHẤT TRONG CÁC QUY ĐỊNH VỀ LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

NGUYỄN TỐNG BẢO MINH\*

*Tóm tắt: Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật là một yêu cầu cấp thiết, tuy nhiên các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng còn thiếu đồng bộ. Dựa trên yêu cầu về bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, bài viết phân tích, làm rõ thực trạng về tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, trong đó tập trung chỉ ra những điểm còn thiếu đồng bộ thông qua việc đối sánh các quy định. Từ đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.*

*Từ khóa: Loại trừ trách nhiệm; tính thống nhất của pháp luật; vi phạm hợp đồng; pháp luật hợp đồng*

*Ngày nhận bài: 26/12/2025; Biên tập xong: 14/01/2026; Duyệt đăng: 23/01/2026*

## ENSURE THE UNITY IN THE REGULATIONS ON EXCLUSION OF LIABILITY FOR BREACH OF CONTRACT

**Abstract:** Ensuring the unity of the legal system is an urgent requirement; however, regulations on the exclusion of liability for breach of contract still remain inconsistencies. Based on the requirement of ensuring the unity of the law, this article clarifies current situation of unity in the regulations on the exclusion of liability for breach of contract, focusing on pointing out the inconsistencies by comparing the regulations. Hence, it also proposes recommendations for legal improvement to ensure unity in the regulations on the exclusion of liability for breach of contract.

**Keywords:** Exclusion of liability; unity of law; breach of contract; contract law

**Received:** Dec 26, 2025; **Editing completed:** Jan 14, 2026; **Accepted for publication:** Jan 23, 2026

### Đặt vấn đề

Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật là một trong những định hướng trọng tâm trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được nhấn mạnh tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong pháp luật hợp đồng, chế định loại trừ trách nhiệm (LTTN) do vi phạm hợp đồng (VPHĐ) đóng vai trò then chốt trong việc cân bằng lợi ích, bảo đảm công bằng và phân định rủi ro giữa các bên. Tuy nhiên, các quy định về vấn đề này còn thiếu đồng bộ, chông chéo giữa Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015, Luật Thương mại (LTM) năm 2005 và các luật chuyên ngành khác. Điều này không chỉ gây khó khăn trong áp dụng pháp luật mà còn tạo ra những quan điểm trái chiều trong khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó, đặt trong bối cảnh Nghị quyết số 66-NQ/TW với định hướng bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, việc nghiên cứu, nhận diện một cách hệ thống các quy định còn thiếu thống nhất để từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất của pháp luật là rất cần thiết.

### 1. Một số vấn đề lý luận về bảo đảm tính thống nhất của pháp luật

Tính thống nhất là một trong những thuộc tính quan trọng, đồng thời cũng là yêu cầu khách quan đặt ra đối với mỗi hệ thống pháp luật trên thế giới. Ở góc độ khái quát nhất, tính thống nhất của pháp luật có thể được hiểu là sự phù hợp, đồng bộ trong các quy định của pháp luật. Trên phương diện nội dung, pháp luật trong mỗi lĩnh vực cần phải có sự nhất quán, thống nhất trong việc xác lập mô hình hành vi, đồng thời giữa các quy định trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) cũng phải có sự phù hợp, không mâu thuẫn<sup>1</sup>.

Tính thống nhất của pháp luật không chỉ dừng lại là một khái niệm trong khoa học pháp lý mà đã được khái quát hóa trở thành một nội dung của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động xây dựng pháp

\* Email: [Ngongbaominh@gmail.com](mailto:Ngongbaominh@gmail.com)

Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Luật Hà Nội

<sup>1</sup> Phí, T. T. T. (2018). Bảo đảm tính thống nhất giữa các quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/bao-dam-tinh-thong-nhat-giua-cac-quy-pham-phap-luat-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-hien-nay-53811.htm> (Truy cập ngày 21/8/2025).

luật. Nguyên tắc này yêu cầu phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của VBQPPL trong hệ thống pháp luật; các quy định pháp luật phải thống nhất không mâu thuẫn, chông chéo<sup>2</sup>. Trên phương diện đảm bảo tính thống nhất theo chiều ngang giữa các VBQPPL, các VBQPPL có cùng cấp độ hiệu lực, dù có đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng khác nhau nhưng cũng cần phải có sự tương thích, hài hòa, tránh tạo ra những quy tắc xử sự xung đột về nội dung.

Dù nguyên tắc ưu tiên luật chuyên ngành (*lex specialis*) được thừa nhận, nguyên tắc này không phủ định yêu cầu về tính thống nhất của pháp luật<sup>3</sup>. Nguyên tắc *lex specialis* không nhằm tạo ra một hệ quy chiếu riêng biệt, độc lập mà để đảm bảo có cách điều chỉnh phù hợp nhất với những đặc thù mà luật chung không thể bao quát hết. Theo đó, luật chung cần trở thành một khuôn khổ mang tính cốt lõi, còn luật chuyên ngành phải là sự bổ sung, cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản.

Đặt trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, tính thống nhất trong các quy định về LTTN do VPHĐ thể hiện qua sự tương thích giữa luật chuyên ngành với luật chung cũng như tính logic trong cấu trúc và nội dung giữa các quy định trong cùng một văn bản. Trong đó, BLDS năm 2015 đóng vai trò là luật chung xác lập các quy định mang tính nền tảng như các nguyên tắc, khái niệm cơ bản, ghi nhận các căn cứ LTTN có tính phổ biến để tạo ra một khuôn khổ chung. Các luật chuyên ngành phải tương thích với các quy định của BLDS năm 2015 với những sự cụ thể hóa, đồng thời hạn chế những quy định mâu thuẫn, thiếu nhất quán với luật chung.

### 2. Thực trạng về tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Đảm bảo sự thống nhất trong quy định về LTTN do VPHĐ đòi hỏi phải có sự nhất quán, định hướng cao từ BLDS năm 2015 tới các văn bản luật chuyên ngành. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về vấn đề này còn tồn tại những điểm chưa thực sự đồng bộ, từ đó tiềm ẩn những mâu thuẫn nhất định giữa các văn

bản pháp luật. Thực trạng này không chỉ do các văn bản pháp luật còn đang có cách quy định căn cứ LTTN do VPHĐ khác nhau, mà còn đến từ những điểm chưa đồng bộ giữa các chế định trong BLDS năm 2015. Với tư cách là luật chung, BLDS năm 2015 đã có một quy định mang tính nền tảng ghi nhận các căn cứ LTTN do VPHĐ tại Điều 351, từ đó tạo ra một bộ khung với ba căn cứ cơ bản bao gồm: (i) Sự kiện bất khả kháng; (ii) Hoàn toàn do lỗi của bên bị vi phạm; (iii) Theo thỏa thuận của các bên.

#### 2.1. Về loại trừ trách nhiệm do sự kiện bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là một trong những căn cứ LTTN mang tính phổ biến và nền tảng giải phóng chủ thể khỏi trách nhiệm dân sự khi việc thực hiện đúng hợp đồng bị cản trở bởi những sự kiện có tác động lớn, nằm ngoài ý chí và khả năng kiểm soát. Hiện nay hầu hết các VBQPPL trong lĩnh vực luật tư đều ghi nhận sự kiện bất khả kháng với tư cách là một căn cứ LTTN do VPHĐ, có thể thông qua việc áp dụng trực tiếp quy định của BLDS năm 2015 hoặc có các quy định nhằm nhấn mạnh lại cũng như để bổ sung các cơ chế điều chỉnh riêng<sup>4</sup>.

Tuy nhiên, quy định về nhận diện sự kiện bất khả kháng vẫn còn những điểm chưa đồng bộ. Đoạn 2 khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015 đặt ra ba tiêu chí nhận diện sự kiện bất khả kháng là: (i) Khách quan; (ii) Không thể lường trước được; (iii) Không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trong khi BLDS năm 2015 lựa chọn cách quy định khái quát các đặc điểm của sự kiện bất khả kháng thì một số văn bản luật lại lựa chọn phương pháp liệt kê các sự kiện có dấu hiệu tương đồng với sự kiện bất khả kháng là căn cứ LTTN do VPHĐ. Cách quy định này có thể tiềm ẩn mâu thuẫn khi các sự kiện được liệt kê không phải trong trường hợp nào cũng đáp ứng đủ bộ tiêu chí mà Điều 156 BLDS năm 2015 quy định.

Một ví dụ cho tình trạng này là Điều 151 Bộ luật Hàng hải Việt Nam (BLHH) năm 2015 quy định LTTN đối với người vận chuyển trong hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển. Nếu như khoản 3 Điều này đề cập trực tiếp tới sự kiện bất khả kháng trong quy định về LTTN đối với người vận chuyển

<sup>2</sup> Nguyễn, H. L. (2021). Các nguyên tắc trong hoạt động xây dựng pháp luật. *Tạp chí Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/cac-nguyen-tac-trong-hoat-dong-xay-dung-phap-luat1610529428-a99287.html> (Truy cập ngày 21/8/2025).

<sup>3</sup> Banaszewska, D. M. (2015). *Lex specialis*. In *Max Planck Encyclopedias of International Law*. Oxford Public International Law. <https://opil.ouplaw.com/display/10.1093/law:epil/9780199231690/law-9780199231690-e2171> (Truy cập ngày 21/8/2025).

<sup>4</sup> Ví dụ như Điều 296 LTM năm 2005 quy định về vấn đề kéo dài thời hạn, từ chối thực hiện hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng.

khi chậm trả hàng thì khoản 2 lại lựa chọn liệt kê một danh mục các sự kiện như hỏa hoạn, thảm họa trên biển..., khiến cho quy định trên về LTTN do VPHĐ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển đã tồn tại hai điểm không thống nhất cả trên phương diện hình thức và nội dung. Trên phương diện hình thức, việc lựa chọn hai cách thức quy định khác nhau ngay trong một điều luật đã không đảm bảo tính thống nhất về kỹ thuật lập pháp, cách thức sắp xếp, cấu trúc quy định. Về mặt nội dung, cách liệt kê tại khoản 2 Điều 151 BLHH năm 2015 tiềm ẩn những điểm thiếu nhất quán với BLDS năm 2015 khi không phải trong trường hợp nào các sự kiện được quy định cũng là sự kiện bất khả kháng (ví dụ như có những trường hợp thiên tai có thể được dự báo trước). Tuy nhiên, sự thiếu thống nhất về mặt nội dung này không hoàn toàn là một thiếu sót về mặt lập pháp mà xuất phát từ yêu cầu cụ thể hóa các nguyên tắc chung vào môi trường đặc thù của luật chuyên ngành. Đối với lĩnh vực hàng hải, BLHH năm 2015 được xây dựng dựa trên sự tương thích với các điều ước và thông lệ quốc tế, tiêu biểu là Quy tắc Hague-Visby. Khoản 2 Điều 4 Quy tắc Hague-Visby đã liệt kê cụ thể hàng loạt các sự kiện loại trừ trách nhiệm cho người vận chuyển như hỏa hoạn, hiểm họa của biển (*perils of the sea*), thiên tai, chiến tranh, đình công... Trong vận tải biển quốc tế, tính dự báo và việc phân bổ rủi ro giữ vai trò quan trọng và được ưu tiên. Việc sử dụng phương pháp liệt kê là một thông lệ quốc tế nhằm đảm bảo người vận chuyển không phải chịu trách nhiệm cho những rủi ro đặc trưng của lĩnh vực hàng hải.

Mặc dù việc liệt kê tại luật chuyên ngành là sự cụ thể hóa cần thiết, nhưng xét trên phương diện nội dung và yêu cầu bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, cách quy định này tiềm ẩn nguy cơ thiếu đồng bộ nếu nó tạo ra một ngoại lệ hạ thấp tiêu chuẩn về sự kiện bất khả kháng mà BLDS năm 2015 đã xác lập. Cụ thể, nếu các sự kiện được liệt kê tại khoản 2 Điều 151 BLHH năm 2015 mặc nhiên được coi là căn cứ LTTN mà không đòi hỏi phải thỏa mãn các tiêu chí nền tảng của BLDS năm 2015, đặc biệt là yếu tố không thể lường trước được (ví dụ một số hiện tượng thời tiết cực đoan trên biển hiện nay hoàn toàn có thể được hệ thống khí tượng dự báo trước), thì phạm vi LTTN sẽ bị mở rộng một cách bất hợp lý. Luật chuyên ngành được phép cụ thể hóa để phù hợp với đặc thù, nhưng không

được hạ thấp tiêu chuẩn đã được định hình bởi luật chung.

Tương tự, Bộ luật Lao động (BLLĐ) năm 2019 đang sử dụng cách quy định kết hợp liệt kê và định nghĩa của sự kiện bất khả kháng. Cụ thể, tại khoản 2 Điều 125 khi quy định về các trường hợp LTTN vật chất, Bộ luật này đã liệt kê một loạt các sự kiện cụ thể như “*thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,...*” và ngay sau đó nhắc lại định nghĩa tại khoản 2 Điều 156 BLDS năm 2015 “*sự kiện xảy ra khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”<sup>5</sup>. Về kỹ thuật lập pháp, quy định trên vừa nhắc lại khái niệm sự kiện bất khả kháng, vừa liệt kê những sự kiện có tính chất hầu như tương đồng với loại sự kiện này, trong khi có thể quy định trực tiếp sự kiện bất khả kháng là một căn cứ LTTN vật chất để đảm bảo tính thống nhất với BLDS năm 2015. Mặt khác, chính sự kết hợp này lại tạo ra một điểm không rõ ràng: Các sự kiện được liệt kê trước về nhắc lại định nghĩa sự kiện bất khả kháng có mặc nhiên làm LTTN vật chất không, hay vẫn phải thỏa mãn ba yếu tố khách quan, không lường trước được, không thể khắc phục được? Nếu xét về mặt ngữ nghĩa, việc liệt kê các sự kiện trước ba yếu tố trên sẽ dẫn tới cách hiểu những sự kiện được nêu không cần thỏa mãn tiêu chí nhận diện của sự kiện bất khả kháng, từ đó cũng tương tự như BLHH năm 2015, mở phạm vi LTTN ra quá rộng so với khung pháp lý trong BLDS năm 2015.

## 2.2. Về loại trừ trách nhiệm do lỗi của bên bị vi phạm

Pháp luật Việt Nam về cơ bản đã có sự thống nhất khi cùng thừa nhận căn cứ LTTN khi VPHĐ xảy ra do lỗi của bên bị vi phạm tại khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005. Tuy nhiên, thuật ngữ pháp lý được sử dụng để chỉ bên vi phạm trong các quy định trên còn chưa nhất quán. Khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 sử dụng cụm từ “*hoàn toàn do lỗi của bên có quyền*” khi quy định về căn cứ LTTN này. Thuật ngữ này tuy không sai nhưng chưa phản ánh được đầy đủ bản chất của quan hệ khi đã có VPHĐ xảy ra. Khi xem xét về trách nhiệm do VPHĐ, sẽ phù hợp hơn nếu các bên được xác định là bên vi phạm và bên bị vi phạm. Điều này là

<sup>5</sup> Nguyên văn: *...trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh nguy hiểm, thảm họa, sự kiện xảy ra khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép thì không phải bồi thường.*

do trong quan hệ hợp đồng, đặc biệt là hợp đồng song vụ, sẽ khó có thể định danh bên có quyền, bên có nghĩa vụ một cách biệt lập vì các bên đều có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với nhau. Do vậy, việc sử dụng thuật ngữ “hoàn toàn do lỗi của bên có quyền” chưa phản ánh được đầy đủ bản chất của quan hệ, đồng thời cũng chưa thể hiện được tính đồng bộ với các quy định về trách nhiệm do VPHĐ.

Tương tự, điểm c khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005 sử dụng cụm từ “hoàn toàn do lỗi của bên kia” khi quy định về căn cứ LTTN do lỗi của bên bị vi phạm. Dù thuật ngữ “bên kia” có thể được hiểu trong ngữ cảnh là để chỉ bên bị vi phạm, nhưng nó lại chưa thể hiện được tính rõ ràng cần có trong quy định. Đồng thời, việc sử dụng thuật ngữ “bên kia” tại điểm c cũng là một nội dung thiếu đồng bộ ngay chính trong khoản 1 Điều 294 khi khoản này đã sử dụng thuật ngữ “bên vi phạm hợp đồng” trước khi liệt kê các căn cứ LTTN. Với quy định “bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây” tại khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005, có lẽ việc sử dụng thuật ngữ “bên bị vi phạm” thay cho “bên kia” tại điểm c sẽ đồng bộ và nhất quán hơn.

### 2.3. Về loại trừ trách nhiệm theo thỏa thuận của các bên

Dựa trên một nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, LTTN theo thỏa thuận của các bên được ghi nhận một cách rộng rãi trong các văn bản pháp luật tư. BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 đều quy định thỏa thuận của các bên là căn cứ LTTN. Theo đó, giới hạn đối với thỏa thuận LTTN còn rất hạn chế, các căn cứ và điều kiện để được LTTN hoàn toàn do các bên thỏa thuận miễn là nằm trong khuôn khổ của nguyên tắc tự do hợp đồng<sup>6</sup>. Với cách tiếp cận này, giới hạn duy nhất của thỏa thuận LTTN chỉ là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 3 BLDS năm 2015.

Cách quy định có phần rộng về giới hạn thỏa thuận LTTN như trên có thể dẫn tới những sự thiếu rõ ràng, thậm chí là thiếu nhất quán liên quan tới vấn đề có áp dụng thỏa thuận LTTN hay không trong trường hợp VPHĐ xảy ra do lỗi cố ý. Nếu chỉ dựa trên giới hạn về điều cấm và đạo đức xã hội, bên cố ý vi phạm vẫn được LTTN. Tuy nhiên, việc áp dụng thỏa thuận LTTN khi VPHĐ xảy ra

do lỗi cố ý này lại đi ngược với nguyên tắc thiện chí tại khoản 3 Điều 3 BLDS năm 2015. Do đó, một số tác giả cho rằng không nên áp dụng thỏa thuận LTTN trong trường hợp VPHĐ xảy ra do lỗi cố ý để đảm bảo thống nhất với nguyên tắc thiện chí<sup>7</sup>.

Bên cạnh đó, một số luật chuyên ngành đang thiết lập một mức sàn đối với các thỏa thuận LTTN là các quyền và nghĩa vụ do luật định. Nói cách khác, các luật này đã đặt ra giới hạn không áp dụng thỏa thuận LTTN đối với các vi phạm cơ bản. Khoản 3 Điều 202 BLHH năm 2015 quy định thỏa thuận nhằm loại trừ các trách nhiệm đã được luật định đối với người vận chuyển trong hợp đồng vận chuyển không có giá trị; khoản 1 Điều 167 Luật Hàng không dân dụng năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) không công nhận thỏa thuận LTTN bồi thường thiệt hại của người vận chuyển dưới mức giới hạn trách nhiệm do luật định... Từ cách tiếp cận này, nếu soi chiếu ngược lại BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 sẽ thấy có sự thiếu đồng bộ trong quy định về thỏa thuận LTTN và vi phạm cơ bản hợp đồng. Như đã phân tích, thỏa thuận LTTN chỉ bị giới hạn bởi điều cấm của luật và đạo đức xã hội nên nếu không có quy định rõ ràng, các bên có thể thỏa thuận cho phép LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng. Điều này sẽ tạo ra sự thiếu đồng bộ nhất định, bởi lẽ việc thiết lập các quy định về vi phạm cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các bên đạt được mục đích của hợp đồng cũng như giúp định hình quan hệ hợp đồng đó. Nếu như một bên được cho phép vi phạm cơ bản thông qua thỏa thuận LTTN thì mục đích của hợp đồng sẽ không được đảm bảo, cũng như tính chất của quan hệ hợp đồng này có thể sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đặc biệt, việc thiếu cơ chế phân loại để kiểm soát thỏa thuận này dựa trên sự khác biệt về vị thế đàm phán giữa các bên (ví dụ giữa hai doanh nghiệp bình đẳng so với giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng) càng làm gia tăng nguy cơ mất cân bằng lợi ích.

### 2.4. Về các căn cứ khác loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Ngoài các căn cứ phổ biến đã được phân tích, pháp luật Việt Nam còn có một số căn cứ

<sup>6</sup> Nguyễn, M. L. (2018). *Loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo pháp luật Việt Nam* [Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội]. tr. 48.

<sup>7</sup> Nguyễn, L. A. (2017). Một số vấn đề pháp lý về điều khoản miễn trách nhiệm, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*. <https://tapchi.ftu.edu.vn/cac-so-tap-chi-ktan/tap-chi-ktan-so-81-90/tap-chi-ktan-so-86/1397-mot-so-van-de-phap-ly-ve-dieu-khoan-mien-trach-nhiem.html> (Truy cập ngày 02/9/2025).

khác có khả năng làm LTTN do VPHĐ, mặc dù việc ghi nhận chúng chưa thực sự rõ ràng cũng như thống nhất giữa các văn bản pháp luật. Cụ thể:

*Thứ nhất, LTTN khi vi phạm hợp đồng xảy ra do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng*

Tại điểm d khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005, căn cứ này được liệt kê một cách độc lập, tách biệt so với sự kiện bất khả kháng. Theo cách quy định này, việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được xác định là một căn cứ riêng với những điểm khác biệt so với các căn cứ loại trừ khác. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 lại không có sự ghi nhận căn cứ LTTN này. Một số quan điểm trong khoa học pháp lý cho rằng thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực chất là một trường hợp của sự kiện bất khả kháng, không phải một căn cứ LTTN riêng biệt<sup>8</sup>. Bên cạnh đó, cũng có quan điểm cho rằng căn cứ LTTN này không cần phải chứng minh yếu tố không thể lường trước được của sự kiện bất khả kháng<sup>9</sup>. Như vậy, sự thiếu đồng bộ này đã dẫn tới các quan điểm khác nhau trong khoa học pháp lý cũng như gây khó khăn cho công tác áp dụng pháp luật khi phải xác định bản chất pháp lý của cùng một sự kiện.

*Thứ hai, LTTN khi vi phạm hợp đồng xảy ra do thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết*

Một trong những điểm còn chưa đảm bảo tính thống nhất trong các quy định về LTTN do VPHĐ trong BLDS năm 2015 xuất phát từ cách tiếp cận gián tiếp và không thực sự rõ ràng của Bộ luật này đối với căn cứ thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết. Thay vì quy định một cách tường minh tại Điều 351 BLDS năm 2015 về trách nhiệm và LTTN do vi phạm nghĩa vụ, khả năng làm LTTN do VPHĐ của tình thế cấp thiết lại được ghi nhận một cách gián tiếp qua các quy định khác có liên quan. Trong đó, khoản 3 Điều 171 BLDS năm 2015 đã khẳng định tính hợp pháp của hành vi thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết. Từ đó, VPHĐ do thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết về bản chất là không trái pháp luật nên không thể làm phát sinh trách nhiệm do

VPHĐ, hay nói cách khác, trách nhiệm do VPHĐ trong trường hợp này đã được loại trừ theo nguyên tắc được xác lập tại khoản 3 Điều 171 BLDS năm 2015.

Trái ngược với luật chung, một số luật chuyên ngành đã có sự ghi nhận rõ ràng thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết là một căn cứ LTTN do VPHĐ. Khoản 2 và khoản 3 Điều 151 BLHH năm 2015 quy định người vận chuyển được LTTN nếu làm tổn thất hàng hóa để cứu người, cứu tài sản trên biển hoặc không phải chịu trách nhiệm khi chậm trả hàng vì phải cứu người, trợ giúp tàu đang gặp nguy hiểm hay cần thời gian để cấp cứu cho thuyền viên, người trên tàu. Những trường hợp trên được liệt kê tại Điều 151 BLHH năm 2015 đều mang bản chất thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết mà tiêu biểu là vi phạm một số nghĩa vụ trong hợp đồng vận chuyển để bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người. Quy định này cho thấy một cách tiếp cận rõ ràng, trực tiếp về khả năng làm LTTN do VPHĐ của thực hiện yêu cầu trong tình thế cấp thiết.

Như vậy, có thể thấy tính thống nhất trong nhóm quy định này còn chưa thực sự được đảm bảo khi quy định tại Điều 351 BLDS năm 2015 là chưa đủ rõ ràng để tạo ra một định hướng chung cho LTTN khi VPHĐ xảy ra do thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết. Điều này càng được thể hiện rõ khi ngay trong chính Bộ luật này cũng như luật chuyên ngành đã có những quy định nhằm ghi nhận khả năng làm LTTN của hành vi thực hiện yêu cầu trong tình thế cấp thiết.

### **3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất trong các quy định về loại trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng**

Từ những phân tích trên, để bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, quy định trong BLDS năm 2015 về LTTN do VPHĐ phải bao quát được các vấn đề mang tính nền tảng, còn các quy định trong luật chuyên ngành chỉ hướng tới cụ thể hóa những nét đặc thù riêng trong phạm vi điều chỉnh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật như sau:

*Thứ nhất, thống nhất cách thức quy định về loại trừ trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng xảy ra do sự kiện bất khả kháng*

Các quy định về LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng trong các văn bản pháp luật đang sử dụng đồng thời ba phương pháp quy định: (i) Định nghĩa sự kiện bất khả

<sup>8</sup> Lê, V. S. (2017). Quy định của pháp luật về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm. *Công thông tin Bộ Tư pháp*. <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2149> (Truy cập ngày 03/12/2023).

<sup>9</sup> Nguyễn, T. D. (2022). *Luật Kinh tế*. Nhà xuất bản Tư pháp. tr. 772.

kháng và viện dẫn tới định nghĩa này khi quy định về LTTN; (ii) Liệt kê các sự kiện có điểm tương đồng với sự kiện bất khả kháng là căn cứ LTTN; (iii) Sử dụng kết hợp phương pháp liệt kê và định nghĩa. Việc tồn tại đồng thời cả ba phương pháp quy định như vậy về LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng đã gây ra những điểm thiếu thống nhất, không rõ ràng giữa BLDS năm 2015 và các văn bản luật chuyên ngành.

Để khắc phục tình trạng trên, cần phải thống nhất cách thức quy định về LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng giữa các văn bản pháp luật. Là một nội dung được sử dụng trong nhiều chế định, định nghĩa về sự kiện bất khả kháng với ba yếu tố cấu thành trong BLDS năm 2015 cần phải được xác định là quy định mang tính nền tảng, áp dụng chung cho toàn bộ hệ thống luật tư. Quy định về LTTN do VPHĐ trong các văn bản pháp luật về nguyên tắc cần ưu tiên viện dẫn tới định nghĩa nêu trên. Chỉ trong trường hợp thực sự cần thiết để bảo đảm tính đặc thù của ngành (như lĩnh vực hàng hải để tương thích với thông lệ quốc tế), luật chuyên ngành mới được sử dụng phương pháp liệt kê để cụ thể hóa. Tuy nhiên, cách cụ thể hóa này chỉ mang tính chất bổ sung. Luật chuyên ngành không được quy định liệt kê một cách biệt lập mà vẫn phải lấy nền tảng là viện dẫn tới quy định về sự kiện bất khả kháng trong BLDS năm 2015 để bảo đảm không tạo ra ngoại lệ hạ thấp tiêu chuẩn của luật chung.

Trên cơ sở đó, cần tiến hành rà soát các luật chuyên ngành như BLHH năm 2015, BLLĐ năm 2019 theo hướng điều chỉnh các quy định mang tính liệt kê các sự kiện tương đồng hay xây dựng những định nghĩa sự kiện bất khả kháng riêng (như Điều 151 BLHH năm 2015, Điều 125 BLLĐ năm 2019). Thay vào đó, cần quy định bên vi phạm không phải chịu trách nhiệm nếu VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng bằng cách ưu tiên viện dẫn tới định nghĩa trong BLDS năm 2015 làm nền tảng, các sự kiện đặc thù nếu cần thiết liệt kê chỉ đóng vai trò cụ thể hóa, bổ sung và vẫn phải thỏa mãn các tiêu chí nền tảng của luật chung.

*Thứ hai, thống nhất sử dụng thuật ngữ “bên bị vi phạm” trong LTTN do lỗi của bên bị vi phạm*

Việc BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 sử dụng những cụm từ khác nhau (bên có quyền, bên kia) để chỉ cùng một chủ thể là bên bị VPHĐ đã thể hiện điểm thiếu đồng bộ, không chỉ giữa hai văn bản nêu trên mà còn trong

chính mỗi văn bản. Để đảm bảo tính thống nhất cũng như tính chính xác trong nhóm quy định này, cần sử dụng một thuật ngữ chung và toàn diện hơn là “bên bị vi phạm”. Cụ thể, khoản 3 Điều 351 BLDS năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 294 LTM năm 2005 cần thay thế cụm từ “bên có quyền”, “bên kia” thành “bên bị vi phạm”. Việc thống nhất hóa thuật ngữ này không những giúp đảm bảo tính đồng bộ giữa các văn bản luật khác nhau mà còn ngay trong nội tại từng văn bản. Hơn nữa, nó cũng giúp tăng cường tính logic, phản ánh chính xác bản chất của quan hệ trách nhiệm khi đã có VPHĐ xảy ra.

*Thứ ba, bổ sung nguyên tắc kiểm soát chung đối với thỏa thuận LTTN do vi phạm hợp đồng trong BLDS*

Khung pháp lý có phần rộng về thỏa thuận LTTN của BLDS năm 2015 còn có những điểm thiếu thống nhất với các nguyên tắc, chế định khác trong chính Bộ luật này. Để giải quyết điều này, BLDS năm 2015 cần phải bổ sung nguyên tắc kiểm soát chung, rõ ràng về nội dung của thỏa thuận LTTN như sau:

*Một là, không áp dụng thỏa thuận LTTN đối với VPHĐ do lỗi cố ý*

Việc thiếu vắng một quy định rõ ràng về vấn đề này đã tạo ra khoảng trống, tiềm ẩn nguy cơ xung đột với nguyên tắc thiện chí tại Điều 3 BLDS năm 2015, đặc biệt khi quy định về các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu, về nguyên tắc tự do hợp đồng chỉ đặt ra giới hạn là vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội. Cho phép một bên được hưởng lợi từ thỏa thuận LTTN sau khi đã VPHĐ với lỗi cố ý sẽ làm mất đi ý nghĩa của sự cam kết giữa các bên, gây ra sự mất cân bằng và không phù hợp với bản chất của hợp đồng. Việc bổ sung quy định không cho phép bên vi phạm được LTTN theo thỏa thuận nếu có lỗi cố ý sẽ thể hiện được tính hợp lý, đồng thời đảm bảo sự thống nhất với nguyên tắc thiện chí trong pháp luật dân sự. Cách tiếp cận như trên cũng phù hợp với kinh nghiệm lập pháp tại nhiều quốc gia trên thế giới như Đức, Nga, BLDS tại các quốc gia này đều không công nhận áp dụng thỏa thuận LTTN nếu như VPHĐ xảy ra do lỗi cố ý<sup>10</sup>.

<sup>10</sup> Khoản 3 Điều 276 BLDS Đức quy định “Bên có nghĩa vụ không được loại trừ trách nhiệm nếu có lỗi cố ý” (*The obligor may not be released in advance from liability for intent*). Xem tại Bản dịch Tiếng Anh BLDS Đức: [https://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_bgb/englisch\\_bgb.html](https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_bgb/englisch_bgb.html) (Truy cập ngày 07/9/2025).

Khoản 4 Điều 401 BLDS Nga quy định: “*Thỏa thuận về*

Hai là, kiểm soát thỏa thuận LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng dựa trên vị thế đàm phán của các bên

BLDS năm 2015 cũng như LTM năm 2005 chưa đặt ra giới hạn kiểm soát đối với các thỏa thuận làm LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng. Việc thỏa thuận LTTN vẫn được công nhận và áp dụng khi xảy ra vi phạm cơ bản không những tiềm ẩn những điểm thiếu thống nhất với nguyên tắc thiện chí khi gây ra sự mất cân bằng về lợi ích cho một bên mà còn chưa phù hợp với các quy định có liên quan về bản chất của vi phạm cơ bản. Vi phạm cơ bản là VPHĐ nghiêm trọng tới mức khiến cho bên bị vi phạm không đạt được mục đích khi giao kết hợp đồng, những nghĩa vụ bị vi phạm trong trường hợp này là những nghĩa vụ làm nên bản chất, mục đích cốt lõi của hợp đồng mà nếu thiếu chúng hợp đồng sẽ không còn ý nghĩa. Do vậy, việc pháp luật đặt ra các quy định về vi phạm cơ bản cũng nhằm hướng tới bảo vệ các quyền và nghĩa vụ cơ bản, nội dung cốt lõi nhất của hợp đồng, từ đó bảo đảm hợp đồng không bị mất đi bản chất và mục đích vốn có của nó khi giao kết. Vì những lý do trên, trong khoa học pháp lý hiện nay cũng có nhiều quan điểm cho rằng cần thiết phải kiểm soát những thỏa thuận làm LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng<sup>11</sup>.

Cách tiếp cận trên cũng phù hợp với kinh nghiệm lập pháp tại một số quốc gia trên thế giới. Trong hệ thống Common Law, học thuyết về vi phạm cơ bản (*doctrine of fundamental breach*) được thể hiện thông qua án lệ *Karsales v Wallis* ghi nhận rằng một điều khoản LTTN dù rộng đến đâu cũng không thể giải phóng một bên khỏi trách nhiệm trước vi phạm cơ bản<sup>12</sup>. Án lệ *Karsales v Wallis* đã đưa ra kết luận “các điều khoản loại trừ trách nhiệm... không có giá trị khi bên vi phạm đã thực hiện một vi phạm đi đến gốc rễ của hợp đồng”, “dù điều khoản loại trừ có rộng đến đâu, nó

việc loại trừ hoặc giới hạn trách nhiệm đối với một vi phạm nghĩa vụ do lỗi cố ý sẽ không được áp dụng” (*An agreement on eliminating or limiting the liability for an intentional violation of the obligation, concluded at an earlier date, shall be insignificant*). Xem tại Bản dịch Tiếng Anh BLDS Nga: [https://www.wto.org/english/thewto\\_e/acc\\_e/rus\\_e/wtaccrus58\\_leg\\_360.pdf](https://www.wto.org/english/thewto_e/acc_e/rus_e/wtaccrus58_leg_360.pdf) (Truy cập ngày 07/9/2025).

<sup>11</sup> Đỗ, V. Đ. (2010). *Các biện pháp xử lý việc không thực hiện hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật. tr. 294.

<sup>12</sup> Ogilvie, M.H. (2004). *Contract – Exemption Clauses – Fundamental Breach: Solway v. Davis Moving & Storage Inc. Le Revue du Barreau Canadien*. <https://cbr.cba.org/index.php/cbr/article/view/4004/3997> (Truy cập ngày 07/9/2025).

cũng không được công nhận nếu đã có vi phạm cơ bản”<sup>13</sup>. Tuy nhiên, cách tiếp cận mang tính tuyệt đối này sau đó đã bị Thượng Nghị viện Anh thay thế bởi án lệ *Photo Production Ltd v Securicor Transport Ltd*. Theo phán quyết này, vi phạm cơ bản không đương nhiên vô hiệu hóa điều khoản LTTN. Thay vào đó, thỏa thuận LTTN đối với vi phạm cơ bản vẫn có thể được áp dụng dựa trên nguyên tắc tự do hợp đồng trong một số trường hợp nhất định. Tuy nhiên, chúng vẫn cần phải được kiểm soát để đảm bảo sự cân bằng về lợi ích, tính hợp lý và phù hợp với nguyên tắc thiện chí, việc xem xét này được quy định tại các đạo luật chuyên biệt như Đạo luật về điều khoản không công bằng 1977 (*Unfair Contract Terms Act 1977*), Đạo luật về điều khoản không công bằng trong hợp đồng tiêu dùng 1999 (*Unfair Terms in Consumer Contracts Regulations 1999*). Tư duy pháp lý tương tự cũng được ghi nhận trong pháp luật Đức. Tại án lệ số I ZR 58/03 ngày 15/9/2005 của Tòa án Liên bang Đức<sup>14</sup>, thỏa thuận LTTN đối với vi phạm nghĩa vụ cơ bản trong hợp đồng sẽ bị coi là vô hiệu do đã đi ngược lại nguyên tắc thiện chí, tạo ra sự bất lợi bất hợp lý cho một bên.

Từ những phân tích trên, có thể thấy việc kiểm soát thỏa thuận LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng là phù hợp không chỉ với quy định hiện hành của pháp luật, mà còn với các quan điểm khoa học, kinh nghiệm quốc tế. Do vậy, BLDS năm 2015 cần thiết phải bổ sung quy định kiểm soát thỏa thuận LTTN đối với vi phạm cơ bản hợp đồng theo hướng cho dù tôn trọng quyền tự do thỏa thuận nhưng có cơ chế kiểm soát chặt chẽ dựa trên nguyên tắc thiện chí và không tạo ra sự bất lợi bất hợp lý cho một bên, từ đó thiết lập nên một nguyên tắc chung, xuyên suốt, định hướng cho các văn bản luật chuyên ngành.

<sup>13</sup> Leacock, S. J. (1975). *Fundamental breach of contract and exemption clauses in the Commonwealth Caribbean. Anglo-American Law Review*. [https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=2794204](https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2794204) (Truy cập ngày 07/9/2025). Nguyên văn: “. . . it is now settled that exemption clauses of this kind, no matter how widely they are expressed, only avail the party when he is carrying out his contract in its essential respects . . . They do not avail him when he is guilty of a breach which goes to the root of the contract.”; “In my judgement, however extensive the exception clause may be, it has no application if there has been a breach of a fundamental term”.

<sup>14</sup> Bản án của Tòa án Liên bang ngày 15/9/2005 - I ZR 58/03 (Urteil des Bundesgerichtshofs vom 15/9/2005 - I ZR 58/03), <https://dejure.org/dienste/vernetzung/rechtsprechung?Gericht=BGH&Datum=15.09.2005&Aktenzeichen=I%20ZR%2058/03> (Truy cập ngày 17/4/2025).

*Thứ tư, bổ sung các căn cứ LTTN khi VPHĐ xảy ra do thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, yêu cầu của tình thế cấp thiết*

BLDS năm 2015 hiện chưa có sự ghi nhận một cách rõ ràng hai căn cứ LTTN do VPHĐ trên, gây ra những điểm còn thiếu thống nhất ngay trong chính các quy định của Bộ luật này cũng như với LTM năm 2005. Để khắc phục tình trạng này, cần quy định một cách rõ ràng các căn cứ LTTN trên ngay trong BLDS năm 2015, cụ thể như sau:

*Một là, làm rõ bản chất pháp lý và quy định thống nhất về căn cứ LTTN khi VPHĐ xảy ra do thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là một căn cứ LTTN được ghi nhận trong LTM năm 2005 nhưng không có quy định tương tự trong BLDS năm 2015. Điểm không thống nhất này đã dẫn đến tranh luận về việc căn cứ này có phải là một trường hợp của LTTN khi VPHĐ xảy ra do sự kiện bất khả kháng hay không. Tác giả cho rằng nhóm quan điểm thừa nhận tính đặc thù của căn cứ LTTN này có sự phù hợp nhất định. Bởi lẽ, trên thực tế, không phải trong trường hợp nào việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng thỏa mãn yếu tố không thể lường trước của sự kiện bất khả kháng. Ở đó, các quyết định của cơ quan nhà nước trước khi được ban hành thường có lộ trình, quá trình lấy ý kiến hoặc đã có một khoảng thời gian dự kiến, xây dựng chủ trương từ trước mà các bên có thể lường trước được nhưng chưa đủ rõ ràng để coi như các bên đã chấp nhận rủi ro về tình huống đó khi giao kết hợp đồng. Chính vì yếu tố không lường trước được còn gây tranh luận này, việc tách riêng đây là một căn cứ độc lập là hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 cần đặt ra giới hạn chặt chẽ để tránh lạm dụng căn cứ này trốn tránh trách nhiệm. Theo đó, cần bổ sung nguyên tắc áp dụng là quyết định của cơ quan nhà nước chỉ được sử dụng để LTTN nếu quyết định đó không xuất phát từ lỗi hoặc hành vi vi phạm pháp luật của chính bên vi phạm.*

*Hai là, cần bổ sung thực hiện yêu cầu của tình thế cấp thiết vào danh mục các căn cứ LTTN do VPHĐ trong BLDS năm 2015. Việc bổ sung này không chỉ giúp tạo ra một khuôn khổ pháp lý rõ ràng hơn về LTTN, mà còn đảm bảo tính thống nhất với quy định về tính hợp pháp của tình thế cấp thiết tại Điều 171 và quy định về LTTN bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tình thế cấp thiết tại Điều 595 BLDS năm 2015.*

### Kết luận

Các quy định về LTTN do VPHĐ trong pháp luật Việt Nam hiện vẫn còn tồn tại những điểm thiếu đồng bộ, biểu hiện thông qua sự thiếu nhất quán trong cách thức quy định, sử dụng thuật ngữ và cơ chế điều chỉnh cụ thể. Điều này khiến cho BLDS năm 2015 vẫn chưa phát huy triệt để vai trò xác lập khuôn khổ pháp lý chung, mang tính định hướng cho luật chuyên ngành. Từ phân tích về thực trạng pháp luật, bài viết đã đưa ra một số đề xuất hoàn thiện pháp luật, trong đó đặc biệt là các quy định của BLDS năm 2015 để đảm bảo tính thống nhất trong các quy định về LTTN do VPHĐ./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn, L. A. (2017). Một số vấn đề pháp lý về điều khoản miễn trách nhiệm, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*. <https://tapchi.ftu.edu.vn/cac-so-tap-chi-ktkn/tap-chi-ktkn-so-81-90/tap-chi-ktkn-so-86/1397-mot-so-van-de-phap-ly-ve-dieu-khoan-mien-trach-nhiem.html>.
2. Banaszewska, D. M. (2015). *Lex specialis*. In *Max Planck Encyclopedias of International Law*. Oxford Public International Law. <https://opil.ouplaw.com/display/10.1093/law:epil/9780199231690/law-9780199231690-e2171>.
3. Đỗ, V. Đ. (2010). *Các biện pháp xử lý việc không thực hiện hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật.
4. Nguyễn, T. D. (2022). *Luật Kinh tế*. Nhà xuất bản Tư pháp.
5. Leacock, S. J. (1975). Fundamental breach of contract and exemption clauses in the Commonwealth Caribbean. *Anglo-American Law Review*. [https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=2794204](https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2794204).
6. Nguyễn, M. L. (2018). *Loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo pháp luật Việt Nam* [Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội].
7. Nguyễn, H. L. (2021). Các nguyên tắc trong hoạt động xây dựng pháp luật. *Tạp chí Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/cac-nguyen-tac-trong-hoat-dong-xay-dung-phap-luat1610529428-a99287.html>.
8. Ogilvie, M.H. (2004). Contract – Exemption Clauses – Fundamental Breach: *Solway v. Davis Moving & Storage Inc*. *Le Revue du Barreau Canadien*. <https://cbr.cba.org/index.php/cbr/article/view/4004/3997>.
9. Lê, V. S. (2017). Quy định của pháp luật về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm. *Công thông tin Bộ Tư pháp*. <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2149>.
10. Nguyễn, A. T. (2020). *Nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam với pháp luật một số quốc gia dưới góc độ so sánh* [Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội].
11. Phí, T. T. T. (2018). Bảo đảm tính thống nhất giữa các quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/bao-dam-tinh-thong-nhat-giua-cac-quy-pham-phap-luat-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-hien-nay-53811.htm>.